

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HSST

Ngày 04/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi

Ông Phạm Ngọc Lợi

-Thư ký phiên toà: Ông Bùi Đức Trung, Thư ký Toà án nhân dân thành phố N - tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh N tham gia phiên toà:
Ông Phạm Việt Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2024/HSST ngày 09 tháng 05 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST_HS ngày 22/5/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Huy D, sinh năm: 1988. Tại N. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Hồng Điền (đã chết) và bà Lê Thị Át. Gia đình có 4 anh em, bị can là con thứ tư. Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Bản án số 03/2020/HSST ngày 07/01/2020 của Toà án nhân dân thành phố N xử phạt Nguyễn Huy D 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 147/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố N xử phạt Nguyễn Huy D 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành 5 tháng 14 ngày cải tạo không giam giữ tương ứng là 1 tháng 24 ngày tù của bản án số 03/2020/HSST ngày 07/01/2020 của Toà án nhân dân thành phố N. Buộc Nguyễn Huy D phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 tháng 24 ngày tù. Bản án số 117/2022/HSST ngày 17/10/2022 của Toà án nhân dân thành phố N xử phạt Nguyễn Huy D 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/8/2023 ra trại.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/01/2024 đến ngày 16/01/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N. Có mặt.

Bị hại: anh Lê Huy D2, sinh năm 1981, trú tại phố C, phường N, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 03, tổ 3, phường Cự Khôi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội Dng vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 12/01/2024 Nguyễn Huy D đi uống cà phê ở xã Ninh Phúc, thành phố N. Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, sau khi uống cà phê xong, D nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài nên đã điều khiển xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 30F4-5701 đi trên các tuyến đường ở xã Ninh Phúc, thành phố N tìm kiếm tài sản sơ hở của người dân để trộm cắp. Khi đi trên đường Trần Nhân Tông, phố Phúc Thịnh, phường Bích Đào, thành phố N hướng về phía cảng Ninh Phúc thì phát hiện thấy xe ô tô khách Limousine loại 16 chỗ, màu đen, biển kiểm soát 14F-010.71 của Công ty vận tải Dy Khánh có trụ sở tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh do anh Lê Huy D2 điều khiển đậu đỗ ở trên đường. Lúc này anh D2 để 01 ví da màu đen trên ví có dòng chữ Badenroo ở ghế giữa bên cạnh ghế lái của xe ô tô. Bên trong ví có 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thu Hồng, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Huy D2, số tiền 5.000.000 đồng, sau đó anh D2 xuống xe vào quán bên đường mua đồ ăn nhưng không khoá cửa xe ô tô. Bị cáo đi qua xe ô tô biển kiểm soát 14F-010.71 khoảng 02 mét thấy không có ai ở trong xe nên đã điều khiển xe mô tô quay lại đi ngược chiều đường và dừng lại ở gần cửa bên ghế lái của xe ô tô. Bị cáo dựng xe mô tô và xuống xe, lén lút dùng tay mở cửa bên ghế lái của xe ô tô biển kiểm soát 14F-010.71 phát hiện thấy chiếc ví da màu đen của anh D2 đang để ở ghế giữa bên cạnh ghế lái nên đã dùng tay lấy chiếc ví trên sau đó bỏ vào cốp xe mô tô của mình và điều khiển xe mô tô về nhà tại xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh N.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, anh Lê Huy D2 đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Qua rà soát camera, đối tượng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã triệu tập Nguyễn Huy D lên làm việc. Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 ví da màu đen, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thu Hồng, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Huy D2, số tiền 5.000.000 đồng, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị Thu H, 01 điện thoại di động Iphone X, 01 xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 30F4-5701. Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 16/02/2024 của Hội đồng

định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận 01 ví da cầm tay màu đen, trên ví có dòng chữ Badenroo trị giá 200.000 đồng. Trong quá trình điều tra, chiếc điện thoại di động Iphone X thu giữ của Nguyễn Huy D không liên quan đến hành vi phạm tội đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N trả cho bà Lê Thị Át (mẹ của D) được bị cáo uỷ quyền để nhận lại tài sản. Đối với 01 ví da màu đen trên ví có dòng chữ Badenroo, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thu Hồng, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Huy D2, số tiền 5.000.000 đồng anh Lê Huy D2 đã có đơn xin nhận lại tài sản và cơ quan điều tra đã trả lại cho anh D2.

Đối với 01 đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị Thu H, 01 xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 30F4-5701 liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Huy D đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố N để giải quyết cùng vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 65/CT-VKSNDTPNB ngày 23/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Nguyễn Huy D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu luận tội, thay đổi truy tố cụ thể: xác định bị cáo Nguyễn Huy D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*” và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy D phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huy D từ 24 đến 27 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 14/01/2024. Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết do tài sản đã được trả cho người bị hại và không có đề nghị gì. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 30F4-5701 đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị Thu H. Về án phí HSST: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền 200.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, không tranh luận gì về tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].*Về hành vi phạm tội:*

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 12/01/2024, tại đường Trần Nhân Tông, phố Phúc Thịnh, phường Bích Đào, thành phố N, lợi dụng sơ hở của anh Lê Huy D2 không khóa cửa xe ô tô trong lúc xuống xe đi mua hàng, bị cáo Nguyễn Huy D có hành vi lén lút mở cửa bên ghế lái của xe ô tô và chiếm đoạt 01 ví da màu đen giá trị 200.000 đồng, bên trong ví có số tiền 5.000.000 đồng của anh Lê Huy D2. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.200.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo bỏ tài sản vào cốp chiếc xe mô tô mà bị cáo điều khiển rồi mang tài sản về nơi ở của mình.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản sao trích dữ liệu camera đã được giám định không bị cắt ghép, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người đúng tội.

Bị cáo đã có 03 tiền án: Bản án số 03/2020/HSST ngày 07/01/2020 của Toà án nhân dân thành phố N xử phạt 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 147/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành 5 tháng 14 ngày cải tạo không giam giữ tương ứng 1 tháng 24 ngày tù của bản án số 03 ngày 07/01/2020 của Toà án nhân dân thành phố N, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 tháng 24 ngày tù ; Bản án số 117/2022/HSST ngày 17/10/2022 của Toà án nhân dân thành phố N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Các bản án chưa được xóa án tích. Từ phân tích cho thấy bị cáo đã tái phạm nay lại tiếp tục hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi chiếm đoạt tài sản lần này của bị cáo thuộc tình tiết định khung “*tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã thay đổi truy tố đối với bị cáo từ khoản 1 Điều 173 sang điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xét thấy việc thay đổi truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 53. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm

1. *Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.*

2. *Những trường hợp được coi là tái phạm nguy hiểm*

Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

.....
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....
g) Tái phạm nguy hiểm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Về tình tiết tăng nặng: không có. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã thành khẩn khai báo và giao nộp lại tài sản trộm cắp đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù tương xứng, cách ly với xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo lao động thành công dân có ích cho xã hội và cũng nhằm để giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lê Huy D2 đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt gồm chiếc ví, số tiền 5 triệu đồng và các giấy tờ gồm 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thu Hồng, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Huy D2 và không có yêu cầu đề nghị gì nên vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng: Bị cáo Nguyễn Huy D sử dụng chiếc xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 30F4-5701 đăng ký xe mô tô mang tên chị Vũ Thị Thu H để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo khai nhận vào khoảng tháng 10/2023 bị cáo đã mua chiếc xe của người phụ nữ có nhu cầu bán xe trên mạng, sau đó hai bên đã gặp trực tiếp để giao giấy tờ xe và số tiền chuyển nhượng với giá 6 triệu đồng. Chị Vũ Thị Thu H là chủ sở hữu chiếc xe mô tô đã có lời khai xác nhận vào tháng 10/2023 do không còn nhu cầu sử dụng xe nên chị đã rao bán chiếc xe trên mạng, sau đó có một người thanh niên đã liên lạc mua bán chiếc xe của chị với giá 6 triệu đồng. Sau khi bán được chiếc xe chị đã gỡ bài đăng bán xuống. Đến nay chị H không có yêu cầu đề nghị gì

đối với chiếc xe mô tô nói trên. Do vậy chiếc xe mô tô nói trên bị cáo sử dụng có nguồn gốc hợp pháp. Bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô nói trên làm công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[3]. *Các vấn đề khác:*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huy D phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt Nguyễn Huy D 02 (hai) năm 3 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ 14/01/2024.

Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 30F4-5701, số khung 612840, số máy 5112922, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị Thu H.

(Vật chứng có đặc điểm số lượng theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2024 giữa Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N)

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Huy D phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N
- VKSND thành phố N
- Công an thành phố N
- Chi cục THA. DS thành phố N
- Thi hành án HS
- Bị cáo
- Người bị hại, người có QLNVLQ.
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy